

Bản án số: 108/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Lang

2. Bà Nguyễn Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Bích H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ liên lạc: Taichung, Taiwan R.O.C.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Danh V, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Ngô Bích H và ông Vũ Danh V đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/8/2017 của nguyên đơn là bà Ngô Bích H và các lời khai trong quá trình tố tụng, bà H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Danh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01 ngày 05/5/2008. Sau khi kết hôn hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau. Bà và ông V cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành công. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Danh V. Do bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Vũ Tuấn A, sinh ngày 05/5/2009. Nếu được ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuấn A cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2017, bị đơn là ông Vũ Danh V xác nhận lời khai của bà H về thời điểm đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng là đúng. Ông khẳng định hơn 02 năm nay, ông và bà H đã không còn chung sống với nhau nữa, nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cải thiện được, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy ông đồng ý ly hôn với bà H. Do bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Vũ Tuấn A, sinh ngày 05/5/2009. Nếu được ly hôn, ông có nguyện vọng giao cháu Tuấn A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngô Bích H, Hội đồng xét xử nhận thấy bà H và ông V kết hôn với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Ngô Bích H yêu cầu ly hôn ông Vũ Danh V, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà H và ông V thì thực tế sau khi kết

hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được, thường xuyên cãi vã với nhau, mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành công. Hiện nay bà H và ông V đang sinh sống và làm việc ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà H yêu cầu ly hôn với ông V là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Vũ Tuấn A, sinh ngày 05/5/2009. Bà H và ông V đều có nguyện vọng giao cháu Tuấn A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H và ông V đều xác định không có, Tòa không xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà H chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Bích H được ly hôn với ông Vũ Danh V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01 ngày 05/5/2008 do Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Ngô Bích H và ông Vũ Danh V không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Vũ Tuấn A, sinh ngày 05/5/2009 cho bà Ngô Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông V cho đến khi bà H có yêu cầu.

Ông Việt có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông V nếu ông V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H và ông V đều xác định không có, Tòa không xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Ngô Bích H chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà H đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0048037 ngày 27/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Bích H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bà Ngô Bích H được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Vũ Danh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Cao